

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày: 11-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông D Hồng Hoà - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Trung D; tên gọi khác là “D”; sinh năm 1985; nơi sinh, ĐKKHKT và cư trú: Thôn AC, xã ĐA, huyện VB, tỉnh ND; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Mẫn và bà Phạm Thị Huệ; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo có vợ là Đỗ Minh Phương; có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo ra đầu thú bị tạm giữ ngày 27/12/2019 đến ngày 02/01/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1).
2. NLQ 2.
3. NLQ 3.
4. NLQ 4.
5. NLQ 5.
6. NLQ 6.
7. NLQ 7.

8. NLQ 8.

9. NLQ 9.

- *Người làm chứng:*

1. NLC1.

2. NLC2.

3. NLC3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, NLQ 5 dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/6/2017, Trần Trung Dũng, sinh năm 1985 tên gọi khác là “D”; trú tại thôn An Cự, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, thuê nhà anh Đỗ Văn Chung tại địa chỉ đường 10, phố Tây Sơn, thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định mở hiệu cầm đồ lấy biên hiệu là “Tài Phát”. Dũng là người điều hành hoạt động quán

cầm đồ và cho người khác vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Đầu năm 2018, Dũng thuê Vũ Đình Tiên làm việc tại hiệu cầm đồ và trả tiền công cho Tiên là 4 triệu đồng/01 tháng, đến đầu năm 2019 tăng lên 5 triệu đồng/01 tháng. Tiên thường xuyên có mặt tại hiệu cầm đồ, khi có khách đến vay tiền thì gặp trực tiếp Dũng, nếu Dũng không có mặt tại quán thì Tiên cho khách số điện thoại của Dũng là 0977795179 để khách liên lạc với Dũng thỏa thuận số tiền muốn vay, lãi xuất vay, thời gian trả lãi. Nếu Dũng đồng ý cho khách vay tiền thì Dũng trực tiếp làm thủ tục cho vay hoặc Dũng bảo Tiên làm thủ tục cho vay, lãi suất cho vay từ 3000đ đến 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương đương từ 108% đến 180%/năm và đưa tiền cho khách. Thời gian khách trả lãi từ 10 ngày đến 01 tháng 01 lần. Ngoài những lần Dũng trực tiếp thu tiền lãi và tiền gốc thì Tiên sẽ thu tiền lãi và tiền gốc từ những người vay và chuyển lại cho Dũng. Dũng và Tiên quản lý việc cho vay bằng cách ghi chép vào sổ sách hoặc sử dụng một phần mềm quản lý trên mạng internet có tên “ag.mecash.vn”, được truy cập trên máy tính và trên điện thoại, tài khoản do Dũng lập có tên “duongphuong”. Nếu khách nào chậm trả lãi thì Tiên sẽ điện cho khách hoặc Tiên trực tiếp đến nhà gặp khách để nhắc việc trả lãi.

Ngày 18/7/2019, Tổ công tác liên ngành tiến hành kiểm tra hành chính hoạt động của hiệu cầm đồ “Tài phát” tại địa chỉ phố Tây Sơn, thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Tại thời điểm kiểm tra chỉ có mặt Vũ Đình Tiên. Quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện một số giấy tờ, sổ sách có NLQ 5 dung ghi chép về hoạt động cho vay tiền với lãi xuất cao để thu lợi bất chính đã lập biên bản kiểm tra hành chính, tạm giữ những đồ vật, tài liệu có liên quan.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định đã làm rõ Trần Trung D và Vũ Đình Tiên cho 07 người vay tiền, lãi suất cho vay từ 3000đ đến 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương đương từ 108% đến 180%/ 01 năm. Số tiền lãi thu được là 413.020.000đ, tính trừ đi 20% là tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì số

tiền lãi vượt quá mà Dũng và Tiến thu lợi bất chính là 364.219.997đ, NLQ 5 dung cụ thể như sau:

Người thứ nhất: Anh Đỗ Văn Tích

Lần 1: Ngày 20/10/2017, do quen biết từ trước với Trần Trung D, anh Tích đến gặp Dũng hỏi vay số tiền 100 triệu, Dũng đồng ý cho vay với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm. Khi nào Tích chậm trả lãi thì Vũ Đình Tiến sẽ gọi điện nhắc trả nợ hoặc Tiến đến nhà gặp trực tiếp Tích để nhắc trả nợ, Tích trả lãi cho Dũng từ ngày 20/10/2017 đến ngày 31/12/2017 là 35.000.000đ, từ 01/01/2018 đến 31/07/2018 là 105.000.000đ. Sau đó anh Tích nợ tiền lãi cho đến nay và chưa trả tiền gốc.

Lần 2: Ngày 24/9/2018, anh Tích tiếp tục đến gặp Dũng hỏi vay số tiền 100.000.000đ và thỏa thuận vay với cùng lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, Dũng đồng ý cho Tích vay tiền. Tích viết giấy vay nợ với số tiền nêu trên. Tích đã trả cho Dũng và Tiến số tiền lãi của 09 tháng là 135.000.000đ và chưa trả số tiền gốc.

Quá trình anh Tích trả lãi cho Dũng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Dũng, nếu anh Tích chậm trả lãi thì Vũ Đình Tiến gọi điện nhắc trả lãi và gặp trực tiếp anh Tích để thu tiền lãi.

Đối với khoản vay lần 1, anh Tích trả lãi từ 20/10/2017 đến 31/12/2017 số tiền là 35.000.000 đ, thời gian trả lãi trước ngày 01/01/2018, hành vi cho vay do hai bên thỏa thuận chưa có tính chất bóc lột. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định không xử lý về hành vi cho vay tiền trong thời gian này.

Tổng số tiền lãi của 2 lần vay anh Tích đã trả từ ngày 01/01/2018 trong 16 tháng là 240.000.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là $240.000.000đ - (100.000.000đ : 12 \times 20\%) \times 16 \text{ tháng} = 213.333.333đ$.

Người thứ hai: Anh Tạ Công Mạnh

Lần 1: Tháng 5/2018, do cần tiền mua gỗ nên anh Mạnh đến quán cầm đồ “Tài phát” gặp Trần Trung D hỏi vay số tiền 10 triệu đồng, Dũng đồng ý cho anh Mạnh vay với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm. Dũng bảo Tiến làm thủ tục cho Mạnh vay tiền, Tiến hướng dẫn anh Mạnh viết giấy vay tiền và đưa tiền cho Mạnh, cứ 10 ngày anh Mạnh đến trả tiền lãi 01 lần, sau 01 tháng thì Mạnh trả hết tiền gốc và trả được 03 kỳ lãi với tổng số tiền là 1.500.000đ.

Lần 2: Tháng 7/2018, anh Mạnh đến quán cầm đồ “Tài phát” gặp Dũng và Tiến hỏi vay số tiền 20 triệu đồng, Dũng đồng ý cho vay với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm, Tiến bảo Mạnh viết giấy vay Dũng rồi nhận số tiền 20 triệu đồng. Cứ sau 10 ngày Mạnh đến quán cầm đồ đóng lãi cho Tiến số tiền 1.000.000đ. Mạnh nộp tiền lãi 08 kì (01 kì là 10 ngày) với số tiền là 8.000.000đ.

Lần 3: Ngày 27/9/2018, Mạnh đến quán cầm đồ gặp Dũng để vay thêm số tiền 10 triệu đồng cũng với lãi suất là 5000đ/01 triệu/ 001 ngày, tương ứng 180%/năm, Dũng đưa tiền cho Mạnh rồi Mạnh viết giấy vay tiền Dũng với tổng số tiền vay là 30 triệu đồng (cả số tiền gốc 20 triệu đồng, Mạnh chưa trả). Cứ sau 10 ngày Mạnh trả

tiền lãi cho Tiến là 1.500.000đ. Mạnh đã trả cho Tiến 28 kỳ tiền lãi, tương ứng số tiền 42.000.000đ. Anh Mạnh chưa trả số tiền gốc 30 triệu đồng.

Tổng số tiền lãi anh Mạnh đã trả cho Tiến là 51.500.000đ. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp của lần 1 là $1.500.000đ - (10.000.000đ : 12 \times 20\%) = 1.333.333đ$, lần 2 là $8.000.000đ - (20.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 80 = 7.111.111đ$, lần 3 là $42.000.000đ - (30.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 280 = 37.333.333đ$.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $1.333.333đ + 7.111.111đ + 37.333.333đ = 45.777.777đ$.

Người thứ ba: Anh NLQ 4

Do NLQ 4 quen biết từ trước với Trần Trung D (D) có cửa hiệu cầm đồ “Tài phát” tại đường 10, thị trấn Gò, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ngày 24/09/2018, NLQ 4 đến hiệu cầm đồ gặp Dũng hỏi vay 34 triệu, Dũng đồng ý cho NLQ 4 vay với lãi suất 4000đ/01 triệu/01 ngày và bảo NLQ 4 viết giấy vay tiền. NLQ 4 đến trả lãi hàng tháng cho Tiến, sau khi trả được 02 tháng tiền lãi là 8.160.000đ thì NLQ 4 xin khất trả lãi. Đến đầu tháng 7/2019, Tiến gọi điện giục trả lãi thì NLQ 4 trả thêm số tiền 23.000.000đ, số tiền lãi còn lại NLQ 4 nợ và tiền gốc cũng chưa trả. Tổng số tiền lãi mà anh NLQ 4 đã trả là 31.160.000đ.

Số ngày NLQ 4 trả tiền lãi là: $31.160.000đ : (4000đ \times 34) = 229,1$ ngày (theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, làm tròn là 230 ngày).

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là $31.160.000đ - (34.000.000đ : 12 : 30 \times 20\%) \times 230 = 26.815.555đ$.

Người thứ tư: Chị NLQ 5

Lần 1: Ngày 12/02/2018, chị NLQ 5 có đến gặp trực tiếp Trần Trung D vay số tiền 300 triệu với lãi suất 5%/ 01 tháng tương đương 60%/01 năm, sau 01 tháng chị NLQ 5 đến trả lãi và trả được 50 triệu tiền gốc, còn nợ tiền gốc là 250 triệu. Chị NLQ 5 tiếp tục trả lãi đến 01/3/2019 với tổng số tiền 165 triệu đồng thì trả hết số tiền gốc vay cho Dũng.

Lần 2: Ngày 17/04/2019, chị NLQ 5 cùng chồng là Ninh Khắc Uyên đến gặp Dũng hỏi vay số tiền 50 triệu, Dũng đồng ý cho chị NLQ 5 vay với lãi suất 3.500đ/01 triệu/01 ngày, tương đương 126%/1 năm. Dũng đưa cho chị NLQ 5 quyển vở viết để chị NLQ 5 viết giấy vay tiền vào một trang trong sổ và đưa lại cho Dũng. Sau đó, từ 20/4/2019 đến khoảng đầu tháng 5/2019 chị NLQ 5 còn đến vay Dũng 02 lần, một lần vay 50 triệu và 01 lần vay 100 triệu. Chị NLQ 5 và Dũng thống nhất số tiền vay là 200 triệu với lãi suất 3.500đ/ 01 triệu/01 ngày, thời gian tính lãi từ ngày 01/5/2019, cứ 10 ngày thì chị NLQ 5 đến trả lãi 01 lần cho Tiến hoặc Tiến tự đến nhà chị NLQ 5 lấy tiền lãi số tiền là 07 triệu. Chị NLQ 5 trả được cho Tiến 06 lần tiền lãi trong 02 tháng, tổng cộng là 42.000.000đ. Đến đầu tháng 7/2019 thì chị NLQ 5 đã trả hết tiền gốc cho Dũng.

Đối với khoản vay lần 01 mức lãi suất là 60%/01 năm, không quá 5 lần mức lãi suất Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nên Cơ quan CSĐT không xem xét trách nhiệm hình sự trong lần vay này.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp lần 2 là 42.000.000đ – $(200.000.000đ:12 \times 20\%) \times 2 = 35.333.333đ$.

Người thứ năm: Chị Vũ Thị Ngọc Tú

Ngày 26/9/2018, do cần tiền chi tiêu cá nhân, chị Tú đến quán cầm đồ “Tài phát” gặp Tiến hỏi vay số tiền 30 triệu đồng, Tiến cho chị Tú số điện thoại của Trần Trung D, chị Tú gọi cho Dũng thỏa thuận vay số tiền 30 triệu đồng với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm, 10 ngày trả tiền lãi một lần. Dũng đồng ý cho chị Tú vay tiền và bảo Tiến đến nhà chị Tú để xem nhà sau đó quay lại quán cầm đồ để làm thủ tục vay. Tiến đưa cho chị Tú một quyển sổ để viết giấy biên nhận tiền rồi đưa cho chị Tú số tiền 28.500.000đ, cắt lãi 10 ngày đầu là 1.500.000đ. Tính từ ngày 26/9/2018 đến tháng 7/2019, chị Tú đã trả 29 kỳ lãi (290 ngày) với tổng số tiền lãi cho Tiến là 43.500.000đ, chưa trả số tiền gốc 30 triệu đồng.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là 43.500.000đ – $(30.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 290 = 38.666.666đ$.

Người thứ sáu: Anh Trần Huy Đại

Lần 1: Khoảng tháng 6/2018, Đại lấy số điện thoại trên biển hiệu của hiệu cầm đồ Tài Phát và gọi điện cho Trần Trung D hỏi vay 10 triệu, Dũng đồng ý cho Đại vay với lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày, tương ứng 180%/năm. Đại vào gặp Tiến nói đã điện hỏi Dũng vay tiền, Tiến đưa tiền cho Đại và yêu cầu Đại viết giấy vay tiền. Dũng không ghi rõ lãi suất, Tiến đưa cho Đại số tiền 8.500.000đ nói là cắt lãi trước 01 tháng. Sau 01 tháng 10 ngày, Đại đến gặp Tiến trả hết số tiền gốc là 10 triệu và trả thêm số tiền lãi là 500.000đ.

Lần 2: Khoảng tháng 11/2018, Đại gọi điện cho Dũng hỏi vay 10 triệu với cùng lãi suất, sau đó làm thủ tục vay tiền với Tiến. Sau 20 ngày Đại đến gặp Tiến trả tiền gốc và số tiền lãi là 1.000.000đ.

Lần 3: Ngày 20/3/2019, Đại gọi điện cho Dũng hỏi vay 10 triệu đồng với cùng lãi suất và làm thủ tục vay với Tiến. Đến ngày 20/4/2019, Đại đến gặp Tiến trả số tiền gốc 10 triệu đồng và số tiền lãi là 1.500.000đ.

Tổng số tiền lãi mà Đại đã trả cho Tiến là 4.500.000đ. Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp lần 1 là 2.000.000đ – $(10.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 40 = 1.777.778đ$; lần 2 là 1.000.000đ – $(10.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 20 = 888.889đ$; lần 3 là 1.500.000đ – $(10.000.000đ:12:30 \times 20\%) \times 30 = 1.333.333đ$.

Tổng số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 1.777.778đ + 888.889đ + 1.333.333đ = 4.000.000đ.

Người thứ bảy: Anh Bùi Phi Hùng

Chiều ngày 11/4/2019, anh Hùng mang chiếc máy tính ASUS - A510 đi đến hiệu cầm đồ “Tài Phát” gọi điện cho Dũng hỏi cầm cố máy tính lấy 10 triệu nhưng Dũng chỉ đồng ý cho cầm 04 triệu. Vũ Đình Tiến đến làm thủ tục cho Hùng vay, lãi suất là 3000đ/01 triệu/01 ngày. Sau 01 tháng Hùng đến gặp Tiến trả hết tiền gốc và trả số tiền lãi là 360.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là 360.000đ – (4.000.000đ:12x20%) = 293.333đ.

Tại Cơ quan điều tra Trần Trung D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và khai đã vay của chị Phạm Thị Phương là đi ruột số tiền 600.000.000đ để kinh doanh cầm đồ, đã trả 300.000.000đ. Số tiền còn lại 300.000.000đ những người vay tiền chưa trả lại cho Dũng.

Đối với 10 người vay tiền không có mặt tại địa phương và các trường hợp khác, thông tin trong tài liệu thu giữ không ghi rõ địa chỉ người vay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định tách ra để điều tra sau.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 09/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Trần Trung D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, bị cáo Trần Trung D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên NLQ 5 dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi đNLQ 4 giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: Trần Trung D 9 tháng đến 12 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Ghi nhận sự tự nguyện của Dũng trả cho chị Phạm Thị Phương số tiền 300.000.000đ. Các vấn đề khác đã xử lý khi xét xử Vũ Đình Tiến, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở NLQ 5 dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng tháng 01/2018 đến tháng 7/2019, tại địa chỉ đường 10, phố Tây Sơn, thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, Trần Trung D cùng đồng phạm đã thực hiện hoạt động cho vay tiền 07 trường hợp với mức lãi xuất từ 108%/năm đến 180%/năm, thu lợi bất chính tổng số tiền 364.219.997đ. Hành vi đó của bị cáo đã đủ

yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS, nên quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng đến đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và nền kinh tế cộng đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nhất là trong thời điểm hiện nay loại tội phạm liên quan đến tín dụng đen đang có nhiều diễn biến phức tạp, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Nên cần xử lý nghiêm, phạt tù giam đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra truy tố xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, đặc biệt bị cáo đã có thành tích giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện điều tra vụ án ma túy, cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Toà án áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS, đồng thời bị cáo tự nguyện ra đầu thú, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội, nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm được trở về với gia đình và xã hội làm người công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn 2 vợ chồng đều không có việc làm ổn định, con nhỏ, vợ đang mang thai, bị cáo có nghĩa vụ cùng Tiến nộp số tiền 417.219.000đ để trả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và sung quỹ Nhà nước, ngoài ra còn phải trả nợ chị Phạm Thị Phương số tiền 300.000.000 đồng, nên miễn hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và vật chứng của vụ án đã được xử lý khi xét xử bị cáo Tiến. Đối với khoản tiền gốc 300.000.000đ hiện những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả lại cho bị cáo, khoản tiền này bị cáo vay của chị Phạm Thị Phương, do khi cho vay chị Phương không biết bị cáo vay để sử dụng vào mục đích cho vay lại với lãi suất cao, nên không tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước, mà cần ghi nhận sự thoả thuận của bị cáo và chị Phương, bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho chị Phạm Thị Phương.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 58 BLHS,

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Trung D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Trung D 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt, được trừ thời gian bị tạm giữ ngày 27/12/2019 đến ngày 02/01/2020;

3. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo;

4. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận của bị cáo và chị Phạm Thị Phương về việc bị cáo Trần Trung D có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Phương số tiền đã vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thanh toán tiền thì còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án;

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà NLQ 5;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- UBND xã Đại An;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án + VT.